

Số: 07 /2018/NQ-HĐND

Khánh Hòa, ngày 05 tháng 12 năm 2018

**NGHỊ QUYẾT**

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA  
KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ 7**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Xét Tờ trình số 11913/TTr-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 86/BC-HĐND ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều quy định tại Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 12/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017 như sau:**

1. Khoản 2 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"

| STT | Tiêu chí phân bổ      | Đơn vị tính            | Định mức áp dụng từ năm 2019 |
|-----|-----------------------|------------------------|------------------------------|
| 7   | Trường Chính trị tỉnh | Ngàn đồng/học viên/năm | 5.200                        |

2. Điểm a khoản 1 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"a) Định mức phân bổ bao gồm: Chi tiền lương tính theo mức tiền lương tối thiểu 1.210.000 đồng, các khoản có tính chất tiền lương và các khoản đóng góp theo lương (gồm cả phụ cấp ưu đãi ngành); chi cho bộ máy quản lý hệ dự phòng, dự trữ cơ sở thuốc phòng, chống dịch bệnh; chi hoạt động của trạm y tế

xã, phân trạm y tế; các chế độ chi tiêu hiện hành của Trung ương và địa phương ban hành. Đối với định mức phân bổ cho hệ điều trị gồm các khoản chi chưa được kết cấu vào giá.”

3. Khoản 2 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Định mức cụ thể:

| Tiêu chí phân bổ                    | Đơn vị tính               | Định mức áp dụng từ năm 2019 |
|-------------------------------------|---------------------------|------------------------------|
| <b>1. Hệ điều trị</b>               | Ngàn đồng/giường bệnh/năm |                              |
| - Bệnh viện đa khoa Ninh Hòa        |                           | 21.000                       |
| - Bệnh viện đa khoa Cam Ranh        |                           | 21.000                       |
| - Bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh: |                           |                              |
| + Bệnh viện da liễu                 |                           | 45.000                       |
| + Bệnh viện lao và bệnh phổi        |                           | 45.000                       |
| + Bệnh viện chuyên khoa tâm thần    |                           | 35.000                       |
| + Bệnh viện nhiệt đới               |                           | 29.000                       |
| - Trung tâm Y tế Nha Trang          |                           | 29.000                       |
| - Trung tâm Y tế Cam Ranh           |                           | 38.000                       |
| - Trung tâm Y tế Vạn Ninh           |                           | 30.000                       |
| - Trung tâm Y tế Ninh Hòa           |                           | 22.000                       |
| - Trung tâm Y tế Diên Khánh         |                           | 19.000                       |
| - Trung tâm Y tế Cam Lâm            |                           | 23.000                       |
| - Trung tâm Y tế Khánh Vĩnh         |                           | 25.000                       |
| - Trung tâm Y tế Khánh Sơn          |                           | 26.000                       |
| <b>2. Hệ dự phòng</b>               | Ngàn đồng/người dân/năm   | 50                           |
| <b>3. Y tế xã</b>                   |                           |                              |
| - Trạm y tế xã, phường, thị trấn    | Ngàn đồng/trạm/năm        | 682.000                      |
| - Phân trạm y tế                    | Ngàn đồng/phân trạm/năm   | 341.000                      |

Khi ngành y tế tính đầy đủ chi phí khám chữa bệnh theo lộ trình kết cấu vào giá dịch vụ khám chữa bệnh thì điều chỉnh giảm dự toán ngân sách cấp theo đúng quy định. Đối với các cơ sở khám chữa bệnh có số thu không đủ chi, sau khi xác định chênh lệch thu chi, ngân sách nhà nước cấp bù phần thiếu.

Đối với biên chế sự nghiệp của công tác kế hoạch hóa gia đình được phân bổ theo định mức chi quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 12/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh.”

4. Tiêu chí bổ sung để thực hiện nhiệm vụ đặc thù được Đảng và Nhà nước giao đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh (không bao gồm kinh phí thực hiện các chương trình, đề án theo giai đoạn được cấp có thẩm quyền phê duyệt) quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

| Nội dung  | Đơn vị tính   | Định mức áp dụng từ năm 2019 |
|---|---------------|------------------------------|
| Định mức phân bổ tiêu chí bổ sung và hoạt động chi không thường xuyên (không bao gồm kinh phí thực hiện các chương trình, đề án theo giai đoạn được cấp có thẩm quyền phê duyệt) gồm: |               |                              |
| - Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam  | Ngàn đồng/năm | 915.000                      |
| - Hội liên hiệp Phụ nữ tỉnh   | Ngàn đồng/năm | 715.000                      |
| - Hội Nông dân tỉnh   | Ngàn đồng/năm | 750.000                      |
| - Hội Cựu chiến binh tỉnh   | Ngàn đồng/năm | 420.000                      |
| - Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh   | Ngàn đồng/năm | 2.390.000                    |

## Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

## Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, các ban Đảng;
- VP HĐND tỉnh, VP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo (2 bản);
- Lưu: VT, Đại.



Nguyễn Tấn Tuân